

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2017/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn V., sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Phòng 2032-CT 10B Khu chung cư ĐT, xã TThO, huyện ThTr, thành phố Hà Nội; tạm trú: Xóm 8, Thôn PhL, xã HCh, huyện HH, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Đinh Ngọc Tr., sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Phòng 2032-CT 10B Khu chung cư ĐT, xã TThO, huyện ThTr, thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 41/17 khu phố TB, phường ĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Văn V. trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Đinh Ngọc Tr. có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng thì tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2007 ngày 25/01/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Anh làm tư vấn xây dựng, thu nhập 1 tháng 10.000.000 đồng, chị Tr. làm phiên dịch thu nhập 1 tháng 5.000.000 đồng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm. Đến năm 2013, vợ chồng anh mua nhà và chuyển về sinh sống tại phòng 2032-CT 10B Khu chung cư DT, xã TThO, huyện ThTr, thành phố Hà Nội, khi về đây ở thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Tr. có quan hệ tình cảm với em rể họ của anh, khi anh hỏi chị Tr. về chuyện này, chị Tr. xác nhận có chuyện quan hệ tình cảm với người em rể đó và thừa nhận hai người đã từng ngủ chung với nhau. Sau đó, chị Tr. xin lỗi anh để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không chấp nhận nên chị Tr. chuyển vào sinh sống tại thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng anh sống ly thân từ khoảng cuối năm 2013 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Tr.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung tên: Trần Đình Nguyên Đại, sinh ngày 05/11/2007, hiện đang sinh sống cùng anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu chị Tr. cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Anh và chị Tr. tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung)*: Anh và chị Tr. tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/4/2017 và trong quá trình xét xử bị đơn chị Đinh Ngọc Tr. trình bày:

- Thống nhất với phần trình bày của anh V. về thời gian tìm hiểu, cuộc sống chung vợ chồng và thời gian ly thân nhưng không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn. Theo chị nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V. đi làm có điều kiện về tài chính nên có nhiều mối quan hệ nam nữ bên ngoài, khi về nhà đối xử không tốt với chị, coi thường chị, vợ chồng không có tiếng nói chung nên chị chuyển vào sinh sống cùng bố mẹ ruột tại thị xã DA, tỉnh Bình Dương từ năm 2014. Chị cũng xác định không còn tình cảm với anh V. nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh V.

- Về con chung: Thống nhất với phần trình bày của anh V. , vợ chồng có 01 con chung tên: Trần Đình Nguyên Đại, sinh ngày 05/11/2007. Sau ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh V. cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Vợ chồng không tự thỏa thuận được nên tại phiên tòa chị yêu cầu Hội đồng xét xử chia tài sản chung của vợ chồng.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 26/6/2017, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn của anh V. và chị Tr. được chính quyền địa phương cung cấp như sau: quá trình chung sống tại chung cư giữa vợ chồng anh V., chị Tr. không có mâu thuẫn, xung đột gì lớn, chỉ cãi nhau những việc thường ngày, nguyên nhân chủ yếu là chị Tr. có quan hệ tình cảm với em rể họ của anh V. nên vợ chồng phát sinh mâu

thuần. Khoảng tháng 4/2014 thì chị Tr. bỏ vào miền Nam sinh sống, theo như mọi người xung quanh cho biết là chị Tr. có kể rằng anh V. đi làm có nhiều tiền nên coi thường chị Tr. và anh V. có nhiều mối quan hệ nam, nữ bên ngoài, đối xử không tốt với chị Tr. nên chị bỏ đi. Từ thời điểm đó đến nay chị Tr. chỉ về nhà 1 lần vào tết 2016 cùng con trai sau đó không thấy về nữa. Còn anh V. thỉnh thoảng thấy có đi về 1 mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

+ Về nội dung: Vợ chồng anh V., chị Tr. đã ly thân lâu, hai người không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đều xác định tình cảm không còn nên thống nhất ly hôn. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho anh V. nuôi và buộc chị Tr. cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng 1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Anh Trần Văn V. có đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và con chung giữa anh với chị Đinh Ngọc Tr. hiện đang tạm trú, sinh sống tại 41/17 khu phố TB, phường ĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa bị đơn có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, bị đơn không có đơn yêu cầu chia tài sản chung nên căn cứ Điều 5 và Điều 200 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bị đơn do vượt quá phạm vi khởi kiện.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn V. và chị Đinh Ngọc Tr. là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyền số 01/2007 ngày 25/01/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh V., chị Tr. đều trình bày cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2013, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, vì vậy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc không đạt được. Anh V., chị Tr.

đều xác định không còn tình cảm với nhau vì hai vợ chồng đã ly thân thời gian dài nên không thể hàn gắn tình cảm và thuận tình ly hôn. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh V. và chị Tr.

[3] Về con chung: Anh V. và chị Tr. thống nhất có 01 con chung tên Trần Đình Nguyên Đại, sinh ngày 05/11/2007 hiện nay cháu đang ở cùng anh V. Anh V., chị Tr. đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Tuy nhiên việc giao con cho anh V. hay chị Tr. nuôi còn phải xem xét đến quyền lợi về mọi mặt cho cháu Đại và xét đến nguyện vọng của cháu. Xét thấy, anh V. và chị Tr. đều có điều kiện tài chính để đảm bảo tốt cuộc sống vật chất cho con chung.

[4] Từ khi anh, chị sống ly thân cho đến nay anh V. là người trực tiếp chăm sóc cháu Đại, mặc dù công việc của anh V. có những lúc phải đi xa nhưng anh vẫn sắp xếp thời gian để chăm sóc, gần gũi, động viên và dạy dỗ cháu Đại phát triển tốt về mọi mặt thể hiện ở việc: năm học 2016-2017 cháu Đại được phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận đạt giải 3 kỳ thi Violympic Toán - Tiếng Việt, giải ba tiếng Anh trên Internet cấp huyện và được Hiệu trưởng trường Tiểu học A Thịnh Long tặng giấy khen vì có thành tích hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện (bút lục số 41, 42, 43). Vì vậy, yêu cầu được nuôi con chung của anh V. là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng được ở với bố của cháu Đại.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V. yêu cầu chị Tr. cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, chị Tr. yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Xét thấy, theo tài liệu chứng cứ là bảng xác nhận lương do chị Tr. cung cấp cho Tòa án có đóng dấu xác nhận của công ty nơi chị Tr. đang làm việc thì mức thu nhập hiện tại của chị Tr. là 30.800.000 đồng một tháng. Vì vậy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh V. là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh V. và chị Tr. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là phù hợp với nhận định của Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh V. phải chịu án phí ly hôn và chị Tr. phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 15, 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn V. và chị Đinh Ngọc Tr.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Trần Đình Nguyên Đại, sinh ngày 05/11/2007 cho anh Trần Văn V. trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh V. không được cản trở chị Tr. trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con phù hợp với lợi ích của con.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Buộc chị Đinh Ngọc Tr. cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng: Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Anh Trần Văn V. có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đinh Ngọc Tr. chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng chị Tr. còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung)*: Anh V. , chị Tr. không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Anh Trần Văn V. phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008979 ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Chị Đinh Ngọc Tr. phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự ;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Hoa